

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường,
năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	28	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	28	1.4m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	7	126m ² /phòng
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	133m ² /phòng
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/ 1.12 phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	1167 HS	41.6 HS/ 1 lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9.100m ²	8.4m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.500m ²	3.3m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1727m ²	1.1m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	54m ² /phòng	1.2m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	91m ² /phòng	2.1m ² /học sinh
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	28m ² /phòng	
3	Diện tích thư viện (m ²)	105.6m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	3	
2	Khối lớp 11	3	
3	Khối lớp 12	3	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	92	12.2HS/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

(Đã ký)

NGUYỄN VĂN HẬU